

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày 16/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

- Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lê Đình Cự.

2, Bà Nguyễn Thị Là.

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Huyền – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 12 năm 2000, tại xã ĐK, ĐH, tỉnh TB.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐK, huyện ĐH, tỉnh TB.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phạm Tiến H1, sinh năm 1958 và bà Đào Thị Thanh Th, sinh năm 1961.

Chồng Phạm Tiến L, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Có 01 con Phạm Ngọc Hà C, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Phạm Đình T2, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tây TL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Đỗ Huy H, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn DH, xã ĐK, huyện DH, TB.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đông TL, xã ĐT, huyện DH, tỉnh TB.

3. Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1995 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Tây TL, xã ĐT, huyện DH, tỉnh TB.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị T làm công nhân tại Công ty TNHH YOU JUN có địa chỉ tại thôn Tây TL, xã ĐT, huyện DH, tỉnh TB. Khoảng 08 giờ 28 phút, ngày 28/4/2022, T đã đi từ công ty ra ngoài và đến quán tạp hóa của ông Phạm Đình T2 ở cạnh công ty để mua chai nước uống. Đến quán T gọi chủ quán ra bán hàng nhưng không thấy có ai T đi vào bên trong gian phòng khách để tìm. Tại gian phòng khách giáp với gian quán có một hòm tôn kích thước (30x55x20)cm, kê trên thùng bìa cát tông đã được mở sẵn từ trước. T nhìn vào trong hòm thì phát hiện bên trong có một xấp tiền Polime nhiều loại mệnh giá khác nhau gồm: 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng được buộc chung vào một dây chun, ngoài ra xung quanh xấp tiền đó còn có một số đồng tiền lẻ mệnh giá khác nhau. Thấy quán không có người trông coi, đường vắng không có người qua lại, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên. T nhanh chóng lại gần chiếc hòm, dùng tay phải cầm xấp tiền được buộc bằng dây chun cho vào trong túi quần sau bên phải của mình. Lấy được xấp tiền T đi ra đến cửa quán thì gặp một người phụ nữ không rõ tên địa chỉ đến mua hàng, T nói: “Nhà chú T2 không có ai ở nhà”, T đi bộ về công ty thì gặp ông T2 từ ngoài đi về, T quay lại nói với ông T2: “Chú bán cho cháu chai nước C2”, sau đó T theo ông T2 vào trong quán mua 01 chai nước loại C2. T dùng tiền của bản thân có trong người để trả cho ông T2 rồi cầm chai nước đi về. T vào trong nhà vệ sinh của Công ty lấy số tiền vừa trộm cắp được ra đếm được tất cả là 8.200.000 đồng.

Sau khi trộm cắp được số tiền trên, khoảng 14 giờ cùng ngày, T sử dụng 400.000 đồng để cho anh Đỗ Huy H, sinh năm 2002 làm cùng công ty TNHH YOU JUN vay. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T dùng 50.000 đồng đưa cho bà Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1960 làm cùng công ty nhờ bà Hường mua thẻ điện thoại loại Viettel. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến cửa hàng quần áo Like Shop của anh Vũ Đình Đ, sinh năm 1995 ở thôn Tây TL, xã ĐT, huyện DH, mua 595.000 đồng quần áo cho T và 190.000 đồng cho con. Sau đó, T rủ anh Đỗ Huy H và anh Bùi Công T1 đi ăn đồ nướng tại quán ăn của anh

Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 hết 405.000 đồng. Ăn xong, T cùng H và T1 tiếp tục đi ăn miễn ngân của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 hết 300.000 đồng. Ngoài ra, T đã tiêu xài cá nhân khác mà không nhớ. Tổng số tiền trộm cắp mà T đã sử dụng là 2.700.000 đồng. Quá trình T cho anh H vay tiền, rủ anh H, anh T1 đi ăn và nhờ bà H3 mua thẻ điện thoại, T không nói cho mọi người biết nguồn gốc số tiền do mình trộm cắp mà có.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Phạm Đình T2 đã kiểm tra hệ thống camera và nghi ngờ T là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền của mình nên đã viết đơn đến Công an xã ĐT để trình báo sự việc.

Đến 21 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, T đã đến Công an xã ĐT đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp số tiền 8.200.000 đồng của ông T2 và giao nộp số tiền còn lại 5.500.000 đồng cho Công an xã ĐT.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Phạm Thị T tại thôn Đ, xã ĐK, huyện ĐH, tỉnh TB không thu giữ gì.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa ông Phạm Đình T2 trình bày: Ông đồng ý với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo Phạm Thị T, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng số 52/CT-VKSĐH ngày 20/7/2022 đã truy tố bị cáo Phạm Thị T, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Thị T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị T.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và ông T2 đã thỏa thuận bồi thường xong, ông T2 không yêu cầu giải quyết.

* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo Phạm Thị T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; Phù hợp với Lời khai người bị hại là ông Phạm Đình T2; Biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú lập hội 21 giờ 30 phút ngày 28/4/2022 tại Công an xã ĐT; Biên bản giao nhận tiền giữa chị T và ông T2; Lời khai của anh Đỗ Huy H, Nguyễn Văn T và anh Đỗ Đình Đ cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 08 giờ 28 phút ngày 28/4/2022, tại quán bán hàng gia đình ông Phạm Đình T2, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Thôn Tây TL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB, lợi dụng gia đình ông T2 không có ai ở nhà, không có người trông coi tài sản, Phạm Thị T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 8.200.000 đồng trong một chiếc hòm tôn đặt tại phòng khách của gia đình ông T2.

[2.2] Hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2....”.

[2.3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân ở địa phương.

[2.4] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Phạm Đình T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt như đề nghị mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH là phù hợp cũng có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[2.5] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị T.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Đình T2 đã nhận lại số tiền do Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng trả lại là 5.500.000 đồng và 2.700.000 đồng bị cáo T bồi thường cho ông. Tổng số tiền ông đã nhận là: 8.200.000 đồng nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Số tiền 5.500.000 đồng bị T giao nộp cho cơ quan điều tra là vật chứng của vụ án được xác định là tiền của ông T2 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông T2 cần chấp nhận.

[6] Trong vụ án này:

- Đối với anh Đỗ Huy H, sinh năm 2002 và anh Bùi Công T1, sinh năm 2001, cùng trú tại xã ĐK, huyện ĐH được chị T cho vay tiền và rủ đi ăn nhưng không biết nguồn gốc tiền do chị T trộm cắp mà có. Anh H cũng hoàn trả số tiền 400.000 đồng cho chị T nên không có căn cứ để xử lý đối với anh H và anh T1 về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đối với anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H và anh Đỗ Đình Đ là những người bán hàng cho chị T nhưng không biết nguồn gốc tiền do chị T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị T.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện ĐH, tỉnh TB giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Đình T2 không yêu cầu giải quyết.

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại ông Phạm Đình T2 số tiền 5.500.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị T và bị hại ông Phạm Đình T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2022).

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hoàng Văn Thành